

ÂM TIẾT TRONG TIẾNG RƠ-MĂM

Võ Đức Tám

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: masterductam@gmail.com

TÓM TẮT

Bài viết là sự tổng hợp, phân tích, hệ thống hóa của hơn 1500 đơn vị từ vựng trong tiếng Rơ-măm, từ đó xác lập nên mô hình cấu trúc âm tiết đồng thời mô tả và phân tích nó, các dạng thức của nó. Theo đó âm tiết tiếng Rơ-măm có hai loại, đó là âm tiết chính (major syllable) và âm tiết phụ (subsidiary syllable). Âm tiết chính và âm tiết phụ trong ngôn ngữ này có sự khác nhau cả về cấu trúc, vị trí và chức năng.

Từ khóa: Âm tiết, Rơ-măm, tiếng.

1. MỞ ĐẦU

Năm 2009 UNESCO công bố bản điện tử của tập bản đồ những ngôn ngữ đang bị đe dọa có nguy cơ tiêu vong ở những mức độ khác nhau trên thế giới. Theo đó trong hơn 6.000 ngôn ngữ thì có khoảng 2.500 thứ tiếng đang dần biến mất trong một tương lai không xa. Theo các nhà nghiên cứu ngôn ngữ thì mỗi năm thế giới mất đi khoảng 25 ngôn ngữ.

Theo số liệu kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam, tiếng Rơ-măm nằm trong số những ngôn ngữ có số lượng người sử dụng ít nhất với 436 người, chỉ sau tiếng Brâu (397) và Ô đư (376). Người Rơ-măm cư trú tập trung tại làng Le, xã Morai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Trong bối cảnh dân số ít, thường xuyên tiếp xúc và sử dụng ngôn ngữ có vị thế cao, chức năng rộng hơn trong khu vực cư trú như tiếng Gia-rai, Việt chúng ta có thể thấy trước nguy cơ xói mòn và tiêu vong của tiếng Rơ-măm trong tương lai.

Về phương diện ngôn ngữ, tiếng Rơ-măm chỉ mới được đề cập trong các trình về phân loại và xác định quan hệ cội nguồn các ngôn ngữ thuộc nhánh Bahnaric trong các tài liệu [1, 9, 12, 13]... (Theo các học thì tiếng Rơ-măm thuộc ngữ hệ Nam Á, chi Môn-Khmer, tiểu chi Bahnaric, nhóm Bahnar Bắc (north Bahnar)). Gần đây mới chỉ có một số bài lẻ tẻ trong các đề tài cấp Bộ hay trên các tạp chí có đề cập trực tiếp đến đặc điểm xã hội-ngôn ngữ học của nó như: *tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Rơ-măm ở Làng Le* của tác giả Phan Lương Hùng (Tạp chí Ngôn ngữ, số 3/2011) nhưng bài viết cũng chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu về mặt xã hội để tìm hiểu vị thế, chức năng của tiếng Rơ-măm và thái độ ngôn ngữ của cư dân sử dụng ngôn ngữ này.

Có thể nói, cho đến nay chưa hề có bất cứ một công trình hay chuyên khảo nào nghiên cứu hoặc giới thiệu (cho dù khái lược nhất) những đặc điểm về cấu trúc (ngữ âm, từ vựng, ngữ

pháp) tiếng Rơ-măm. Tìm hiểu âm tiết trong tiếng Rơ-măm có thể coi là bước mở đầu để tiến tới đi sâu vào hệ thống cấu trúc của ngôn ngữ này.

2. TƯ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Về điểm điều tra và tư liệu nghiên cứu

Ở Việt Nam người Rơ-măm phân bố tập trung tại làng Le xã Mo-rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Tư liệu miêu tả chủ yếu là tư liệu tiếng Rơ-măm được thu thập trực tiếp tại địa bàn cư trú của người Rơ-măm. Chúng tôi trực tiếp đến địa bàn, tiếp cận với người bản ngữ để thu thập các tư liệu từ vựng và ngữ âm thông qua bảng từ (khoảng gần 2000 từ cơ bản và thông dụng) để nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số do Viện Ngôn ngữ học biên soạn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tại hiện trường, chúng tôi nghe và ghi lại các từ tiếng Rơ-măm bằng kí hiệu phiên âm quốc tế (IPA) rồi ghi âm bằng băng từ tính. Qua những tư liệu thu thập được chúng tôi thống kê, phân tích, hệ thống hóa và đưa ra mô hình cấu trúc âm tiết trong tiếng Rơ-măm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận diện âm tiết tiếng Rơ-măm trong ngữ lưu

Để miêu tả và nhận diện đúng đắn âm tiết trong một ngôn ngữ nhất định chúng ta phải bắt đầu từ một đơn vị tối thiểu để thông báo là câu. Nó có thể được phân chia thành các đơn vị có nghĩa nhỏ hơn, chẳng hạn như từ, hình vị... Tuy nhiên, trong lời nói tự nhiên (ngữ lưu) người ta không nói ra các hình vị và từ ở dạng tách biệt, mà chỉ trong dạng kết cấu thành câu.

Lời nói của con người là một chuỗi âm thanh được phát ra kế tiếp nhau trong không gian và thời gian. Chuỗi âm thanh ấy có thể chia tách ra thành những âm đoạn lớn căn cứ vào ngữ điệu của các âm đoạn ấy, tiếp theo có thể căn cứ ước định vào các giai đoạn tăng giảm độ kêu, những chỗ ngưng hay ngắt giọng tạm thời để tách ra các âm đoạn nhỏ hơn trong những âm đoạn có ngữ điệu ấy. Lấy tính chất giảm độ kêu của các âm đoạn nhỏ hơn trong một chuỗi âm đoạn có ngữ điệu làm cơ sở để xem xét. Mức độ giảm kêu có thể phân biệt: Giảm hoàn toàn (đến mức ngưng giọng, tất nhiên là tạm thời) và giảm không hoàn toàn (chưa đến mức ngưng giọng đã chuyển sang giai đoạn tăng cường độ kêu).

Có thể nhận thấy rằng đứng ngay trước chỗ đã giảm hoàn toàn (ngưng giọng) là một âm đoạn tối thiểu có độ vang lớn; Đứng ngay trước chỗ giảm không hoàn toàn là một âm đoạn có độ vang kém hơn; âm đoạn có độ vang kém hơn chỉ có thể đứng trước âm đoạn có độ vang lớn ở khoảng giữa hai chỗ ngưng giọng.

Phân tích một số phát ngôn trong tiếng Rơ-măm để phân tách các âm đoạn:

Ví dụ:

Khi người Rơ-măm phát âm các câu sau:

1. “mujh !”(mưa)

Ta thu được một khúc đoạn tự nhiên của lời nói là: [mujh]

2. “t□haj □alăm!” (xa quá)

Ta thu được chuỗi khúc đoạn tự nhiên của lời nói là: [t□haj] [□alăm]

3. “K□n □□□ măm me□” (con bé bú mẹ)

Ta thu được chuỗi khúc đoạn tự nhiên của lời nói là: [k□n] (con) [□□□](bé) [măm] (bú) [me□] (mẹ).

4. “b□uh □ăj b□□i□w k□pău. (Bác tôi giết trâu)

Ta thu được chuỗi khúc đoạn tự nhiên của lời nói là: [b□uh] (bác) [□ăj] (tôi) [b□□i□w] (giết) [k□pău] (trâu).

Như vậy, thông qua thao tác cắt ngữ lưu tiếng Rơ-măm thành các đơn vị phát âm tự nhiên nhỏ nhất, kết hợp đối chiếu với đơn vị ngữ nghĩa nhỏ nhất. Dựa trên số lượng âm tiết có thể phân loại từ ngữ âm- âm vị học tiếng Rơ-măm ra thành hai loại đó là: Từ đơn tiết (monosyllabic) và từ đa tiết (polysyllabic). Dựa trên đặc điểm của từ ngữ âm – âm vị học trong tiếng Rơ-măm có thể chia âm tiết trong ngôn ngữ này thành hai loại là: Âm tiết chính và âm tiết phụ. Trong đó, âm tiết chính là “hạt nhân” cả trong từ đơn tiết và đa tiết, còn âm tiết phụ chỉ xuất hiện trong từ đa tiết (hay còn gọi là tiền âm tiết – đứng ở vị trí đầu từ).

Từ đơn tiết = ÂTC

Từ đa tiết (song tiết) = ÂTP (TÂT) + ÂTC

(ÂTC: âm tiết chính ; ÂTP: âm tiết phụ)

Âm tiết chính và âm tiết phụ khác nhau về cấu trúc và chức năng, một số tiêu chí để nhận diện âm tiết chính và âm tiết phụ là:

+ Âm tiết chính là thành phần bắt buộc của từ, âm tiết phụ là thành phần không bắt buộc

+ Âm tiết chính có thể tồn tại độc lập; âm tiết phụ phải đi kèm với âm tiết chính

+ Âm tiết phụ bị hạn chế về cấu trúc: chỉ một số phụ âm hay nguyên âm có thể xuất hiện ở vị trí âm đầu, âm chính, âm cuối của âm tiết phụ.

3.2. Âm tiết trong từ đơn tiết

Qua tổng hợp tư liệu chúng tôi đi đến xác lập mô hình cấu trúc ngữ âm-âm vị học khái quát của từ đơn tiết là:

S=I[C1(C2)] + R[V(C3C4)]

Âm tiết trong tiếng Rơ-mã

Trong đó: S: âm tiết; I :là phân đầu; R: là phân vắn; C: phụ âm; V: nguyên âm; dấu () có thể có hoặc có thể không.

3.2.1. Phân đầu âm tiết (I)

Âm đầu có thể là là một phụ âm (C1), hoặc có thể là một tổ hợp phụ âm (C1C2), như vậy âm đầu có 2 dạng:

Dạng 1: $\hat{A}\hat{D} = C1$. Đây là dạng âm đầu đơn

Dạng 2: $\hat{A}\hat{D} = C1C2$. Đây là dạng âm đầu phức

- Phân đầu từ đơn tiết có thể là một trong các phụ âm đơn:

+ Âm tắc: p, p□, t, t□, k, k□, c, □, b,d, b□, d□, □□, □.

Như: /pah/ (tát), /p□ăk/ (phát), /ti□□ to□/ (khiêng), /k□p/ (cấp), /k□□m/ (thổi lửa), /cun/ (chín), /□□j/ (bò hóng), /bu□t/(rừng), /du□t/ (nô lệ), ip (hạt)....

+ Âm xát: □, s, □, □, h

Chẳng hạn như: /□ak/ (ông), /si□r/ (chòi), /□i□k/ (nước), hah (há), /N□uk/ (mây) ...

+ Âm mũi: m, n, □, □

Như: /mam/ (sắt), /nat/ (quát), /k□n □□□/ (con bé), □ă□ (khâu)

+ Âm bên: l

/l□□/ (cây), /l□r/ (đế), /l□m l□w/ (ngôi giạn)

- Có thể là một tổ hợp phụ âm có 2- 3 yếu tố, thường thì hai yếu tố, các tổ hợp phụ âm xuất hiện ở đầu từ đơn tiết có thể là các phụ âm như: pl, kl, bl, tl

Ví dụ như: /plăj/ (quà), /ple□/ (trời); /bluh/ (nổi), /blu□/ (tro), /blu□k/(ngà voi); /klăjh/ (sắn, mì), /klăw/ (đồ), /tl□h/ (chim gõ kiến), /tlu□/ (thung (nhà))....

3.2.2. Phân vắn (R)

Vắn trong từ đơn tiết tiếng Rơ-mã bao gồm 2 yếu tố: âm chính, âm cuối.

- Trong tiếng Rơ-mã các nguyên âm đóng vai trò âm chính, đây cũng là thành phần không thể thiếu của phân vắn.

Âm chính có thể là nguyên âm đơn hoặc nguyên âm đôi

+ Có thể là các nguyên âm đơn như: /lit/ (lũ), /mam/ (sắt), /k□u□/ (ruộng bậc thang), /po□□/ (mỡ), /săk/ (lông), /h□□/ (họ), /b□u□jh klăn/ (trăn), /mu□t/ (yêu), /so□t/ (xóa)

+ Cũng có thể là các nguyên âm đôi, kiểu như: /du□r/ (mái), /□u□□/ (xà nhà), /□□u□□/ (chiêng), /□i□w/ (chết), /si□k/ (lôi, kéo), /k□i□r/ (sạch)

- Âm cuối trong từ đơn âm tiết Rơ-mã được chia ra (về phương thức cấu âm): gồm phụ âm và bán âm

- Phụ âm: $\left\{ \begin{array}{l} - \text{Âm đơn} \\ - \text{Tổ hợp phụ âm} \end{array} \right\}$

+ Phụ âm cuối là âm đơn có thể là một trong 13 âm vị sau: /p, t, k, \square , m, n, \square , \square , h, l, r, j, w/

- Âm tắc, vô thanh: chỉ có các âm tắc, vô thanh, không bật hơi mới đóng vai trò kết thúc âm tiết như: p, t, k, \square .

Ví dụ như: /t \square hăm kláp/ (thuốc đắp), /tap/ (vỗ), / \square \square et/ (ninh (thức ăn)), /li \square t/ (lũ), /pāk/ (mở cửa), /luk/ (vững), /kla \square / (lạ)

- Âm mũi: m, n, \square , \square

Như: / \square am/ (ngọt), /k \square n t \square ăm/ (con nuôi), /pan/ (bón), cu \square n (chín), /ple \square / (trời), /h \square la lu \square du \square / (rau tàu bay)

- Âm xát: trong tiếng Rơ-mã âm xát thanh hầu /h/ đóng vai trò âm cuối là hiện tượng phổ biến trong ngôn ngữ này.

Như: /tl \square h/ (chim gõ kiến), /c \square / (chó), /bih buh/ (con cuốn chiếu)

- Âm bên, rung: l, r cũng có thể đóng vai trò âm cuối trong một số trường hợp

Như: /l \square r/ (dế), /du \square r/ (mái), /si \square r/ (kho), /h \square pa tul/ (com nếp), /b \square u \square l/ (miệng)

- Bán nguyên âm: j, w

Ví dụ như: /sa \square w/ (nỏ, ná), /taw/ (cháy), /māj/ (thóc), /Nsaj/ (lưỡi câu) ...

+ Trong tiếng Rơ-mã đóng vai trò âm cuối còn có 3 tổ hợp phụ âm: trong đó yếu tố C3 là các bán nguyên âm /w, j/ và yếu tố C4 là các âm thanh hầu / \square , h/, có 3 tổ hợp: /j \square /, /w \square /, /jh/

Ví dụ như: /cǎw \square / (vè), /t \square lew \square / (lờm), /N \square ǎw \square / (buổi chiều), /: /pajh/ (bắt chân), /b \square u \square jh/ (rắn), / \square aj \square / (ờ), /k \square t \square u \square j \square / (thấp), /k \square n \square j \square / (lược)...

Qua tổng hợp tư liệu hiện có, chúng tôi thấy rằng trong tiếng Rơ-mã có 6 mô hình cấu trúc âm tiết chính sau:

1. C1V: /ka/ (cá), /c \square / (chó), /d \square o/ (thoát).
2. C1VC3: /mǎt/ (mặt), /b \square u \square t/ (rừng), /lu \square h/ (lỗ), /deh/ (làng).
3. C1VC3C4: /tajh/ (nông), /majh/ (vàng), /luj \square / (lưới), /kuj \square / (đặc).
4. C1C2V: /bla/ (vách), /hla/ (lá), /sla/ (gai).

5. C1C2VC₃: /blu□h/ (nôi), /ble□h/ (Nhức), /kla□/ (lạ), /kli□k/ (điếc).

6. C1C2VC3C4: /plāj□/ (nhão), /plajh/ (sỏi).

Trong bốn thành tố của âm tiết: âm đầu, âm chính, âm cuối thì hai thành tố âm đầu (C1) và âm chính (V) luôn luôn có mặt. Trong 4 mô hình trên thì mô hình 4 và 6 không xuất hiện trong từ đa tiết.

3.3. Âm tiết trong từ đa tiết

Từ đa tiết trong tiếng Rơ-mã gồm một âm tiết phụ (ÂTP) và một âm tiết chính (ÂTC), âm tiết phụ đi trước âm tiết chính.

Từ đa tiết = ÂTP + ÂTC;

Thí dụ: /k□n□□/ (ánh nắng), /l□mǎ/ (mây), /k□n□h/ (đất), /□□hǎw/ (đá).

Trong tiếng Rơ-mã cũng có từ ba âm tiết, trong đó hai âm đầu là âm tiếp phụ, âm tiết sau là âm tiết chính nhưng số lượng rất hạn chế, chúng tôi mới chỉ bắt gặp một số từ dạng như: /Nt□□□ǎ/ (giàu), /b□t□□□oh/ (ma).

3.3.1. Âm tiết phụ

Âm tiết phụ trong cấu trúc từ đa tiết tiếng Rơ-mã có 2 dạng:

ÂTP = CV(C)

ÂTP = N, trong đó N: là tiền âm tiết mũi

a. Âm tiết phụ có cấu trúc CV(C)

Cấu trúc CV(C) của âm tiết phụ bao gồm: phụ âm đầu, âm chính và có thể có âm cuối.

- Các phụ âm đứng ở vị trí đầu âm tiết phụ là một phụ âm đơn bất kì trong hệ thống ngữ âm tiếng Rơ-mã. Phụ âm đôi không xuất hiện ở vị trí đầu âm tiết phụ.

Như: /k□n□□/ (ánh nắng), /l□□ǎ□/ (câu vòng), /t□□a□/ (đường đi)

- Nguyên âm âm tiết phụ (V): Nguyên âm trong âm tiết phụ tiếng Rơ-mã hết sức đơn giản, chỉ là ba âm tố [□], [a], [□□], dạng thường xuyên là [□]. [□□] và [a] là những biến thể của nó, xuất hiện trong những điều kiện nhất định.

+ [□□]: Chỉ xuất hiện trong các tiền âm tiết có cấu trúc CVC (âm tiết khép) sau các phụ âm tắc, vô thanh: /p, t, k/ mà có âm cuối là một phụ âm mũi-ngạc /□/.

Chẳng hạn như:

/p□□kaj/ > [p□□□kaj] (dưa)

/t□□nam/ > [t□□□nam] (vòi voi)

+ [a]: là biến thể tự do, xuất hiện sau âm thanh hầu: /□, h/, âm răng /t, s, d□/ và âm ngạc /k/.

Chẳng hạn như:

/k□mun □ih/ > [kamun □ih] (mang lên)

/d□an□□m/ > [d□an□□m] (tụ tập)

/□□□hǎw/ > [□ahǎw] (đá)

/k□si□□ h□mil/ > [k□si□□ hamil] (suồn đời)

/h□tǎ□p/ > [hatǎ□p] (chọc)

/s□r□am/ > [sar□am] (thối)

Như vậy, đóng vai trò là nguyên âm âm tiết phụ là một nguyên âm trung tính /□/ với hai biến thể kết hợp: [a], [□□].

Nguyên âm trung hòa [□] của tiền âm tiết trong nhiều trường hợp bị biến mất trong ngữ lưu và biến phụ âm đầu của tiền âm tiết thành một yếu tố của tổ hợp phụ âm: C1C2 của âm tiết chính, kiểu như:

/k□lak/ (bụng) > klak

/p□la□/ (tắm) > pla□

- Đóng vai trò phụ âm cuối âm tiết phụ tiếng Rơ-mã là các âm mũi: /m, □, n/ hay âm bên, rung /l, r/. Các phụ âm mũi xuất hiện với tần suất cao hơn các âm khác.

Chẳng hạn như: /□□mpa/ (dâu da), /t□□nǎj/ (voi), /t□n□ǎ□/ (gọi (chó)), /|□i↔k c↔IBE□|/ (xoáy nước), /s□r□am/ (thối).

- Một số điểm khác biệt quan trọng giữa cấu trúc âm tiết chính và cấu trúc âm tiết phụ (CV(C)) trong tiếng Rơ-mã là:

+ Trong khi C- của âm tiết phụ chỉ có thể là âm đơn, thì C- của âm tiết chính có thể là âm đơn hay âm kép.

+ Trong khi V của âm tiết phụ bị hạn chế ở một vài âm tố thì V của âm tiết chính có thể là bất kì một đơn vị nào trong hệ thống âm chính của tiếng Rơ-mã.

b. Âm tiết phụ là tiền âm tiết mũi

Cũng như nhiều ngôn ngữ ở các nhóm khác nhau trong ngữ hệ Nam Á, nhóm Katu: Bru-Vân Kiều [4, 72-73], Pakoh-Taoih [6, 7], suoi; Nhóm Bahnar Tây: Laven (M. Ferlus, 1972); Nhóm Bahnar Nam: Stieng, Koho [10, 123-129]; Nhóm Việt-Mường: Arem, Rục ...

Hiện tượng tiền mũi trong tiếng Rơ-mã cũng là một hiện tượng phổ biến, tiền âm tiết mũi được tạo nên bằng một âm tố, một phụ âm mũi m, n, □, □ (hiện thực hóa ngữ âm như một âm tiết) có tiêu chí vị trí cấu âm đồng nhất với phụ âm đầu của âm tiết chính (nhờ đặc tính đồng vị của các phụ âm mũi với các phụ âm đi sau nó, nên giai đoạn lùi của các âm mũi này trùng với

Âm tiết trong tiếng Rơ-măm

giai đoạn của phụ âm đi sau, gắn kết tiền âm tiết và âm tiết chính thành một khối tương đối chặt chẽ). Có cấu trúc:

N + ÂTC (trong đó N là một trong các âm mũi m, n, □, □)

Thí dụ như: /mpǎl/ (cối), /mpi□t/ (đeo), /ntu□/ (cuối), /ndeh/ (thôn, làng), /(mut) □□a□/ ((bò) vào), /□kar/ (đá), /mkap/ (bẫy chuột).

3.3.2. Âm tiết chính

ÂTC trong mô hình cấu trúc ngữ âm – âm vị học từ đa tiết gồm phần đầu (I) và phần vần (R) giống mô hình ngữ âm của từ đơn tiết:

Phần đầu của ÂTC có thể do:

- Các phụ âm đơn đảm nhiệm, kiểu: /l□mǎl/ (mây), /k□n□h/ (đất), /□□hǎw/ (đá) /h□m□t/ (mọt).

- Các tổ hợp (cluster) hai phụ âm đảm nhiệm, nhưng bị hạn chế xuất hiện so với từ đơn tiết, ở vị trí này chỉ thấy hai tổ hợp phụ âm là pl, kl có thể xuất hiện.

+ Chúng chỉ xuất hiện trong từ đa tiết sau âm tiết phụ có phụ âm đầu là âm tắc, hữu thanh /d/ và âm xát, vô thanh /h/

+ Chỉ xuất hiện trước những âm chính là nguyên âm ngắn [ǎ] hoặc [e□]

Chẳng hạn như: /h□plǎ□/ (nhảy), /d□ple□□/ (vấp) /d□kle□k/ (bong gân)

Phần vần của ÂTC có cấu trúc hoàn toàn giống với cấu trúc vần của âm tiết trong từ đơn tiết, thí dụ:

/c□haj/ (thác)

/m□nujh/ (người)

/□ahǎw/ (đá)

/tahaj□/ (xa)

/□□a□/ (thung lũng)

/mmuh/(cùn)

- Có thể khái quát mô hình cấu trúc từ đa tiết trong tiếng Rơ-măm như sau: S0+S

Cấu trúc từ đa tiết tiếng Rơ-măm	
S0	S
CV(C)	I[(C1)C2] + R[V(C3C4)]
N	

Trong đó: S0: âm tiết phụ; S: Âm tiết chính; I: Phần đầu; R: phần vần; C: phụ âm; V: Nguyên âm; N: tiền âm tiết mũi.

4. KẾT LUẬN

- Trong tiếng Rơ-măm, cũng như nhiều ngôn ngữ khác cùng loại hình ở khu vực, những đơn vị như âm tiết, từ có cấu trúc âm vị học chặt chẽ. Mỗi một đơn vị gồm một một số lượng nhất định các thành tố, sự kết hợp các thành tố theo các quy tắc nhất định.

- Âm tiết tiếng Rơ-măm bao gồm: âm tiết chính và âm tiết phụ (hay tiền âm tiết) khác nhau cả về vị trí, cấu trúc và chức năng.

+ Âm tiết chính là thành phần bắt buộc của từ, âm tiết phụ là thành phần không bắt buộc

+ Âm tiết chính có thể tồn tại độc lập; âm tiết phụ phải đi kèm với âm tiết chính

+ Âm tiết phụ bị hạn chế về cấu trúc: chỉ một số phụ âm hay nguyên âm có thể xuất hiện ở vị trí âm đầu, âm chính, âm cuối của âm tiết phụ.

Âm tiết phụ trong ngôn ngữ này cũng có hai dạng: Có thể là có cấu trúc CV(C) hoặc chỉ là một yếu tố mũi N. N có thể là kết quả của quá trình đơn tiết hóa như tác giả bài viết [8] đề cập.

- Qua kết quả nghiên cứu trên, có thể khẳng định rằng tiếng Rơ-măm là ngôn ngữ thuộc loại hình ngôn ngữ cận âm tiết tính theo cách phân loại của Nguyễn Quang Hồng [2, tr. 292] với những đặc trưng cơ bản của loại hình này là: Những đơn vị như âm tiết, từ có cấu trúc âm vị học chặt chẽ, có tổ hợp phụ âm trong thành phần cấu trúc âm tiết. Có thể nói rằng tiếng Rơ-măm đang trải qua một quá trình đơn tiết hóa, song quá trình đó vẫn chưa triệt để.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Trí Dõi (1999). *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Quang Hồng (2002). *Âm tiết và loại hình ngôn ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3]. Phan Lương Hùng (2011). Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Rơ-măm ở Làng Le, *Tạp chí ngôn ngữ*, số 03, tr.26-36.
- [4]. Vương Hữu Lễ - Hoàng Dũng (1985). Tiền âm tiết Bru-Vân Kiều, *Tạp chí ngôn ngữ*, số 4, tr.72-73.
- [5]. Nguyễn Văn Lợi (1987). Loại hình học đồng đại và lịch đại hiện tượng tiền mũi trong các ngôn ngữ Đông Nam Á, *Tạp chí ngôn ngữ*, số 1-2, tr. 37-47.
- [6]. Nguyễn Văn Lợi, Đoàn Văn Phúc, Phan Xuân Thành (1986). *Sách học tiếng Pakoh-Taôih*, Huế.
- [7]. Nguyễn Văn Lợi (1985). Về những đặc điểm của một ngôn ngữ đơn tiết trong tiếng Pakoh-Taôih, *Tạp chí ngôn ngữ*, số 4, tr.43-44.

Âm tiết trong tiếng Rơ-măm

- [8]. Hoàng Văn Ma (1985). Vấn đề yếu tố yết hầu mũi trong tiếng Bru-Vân Kiều, *Tạp chí ngôn ngữ*, số 4, tr.23-24.
- [9]. Hoàng Văn Ma (2001). *Ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam một số vấn đề về quan hệ cội nguồn và loại hình học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [10]. Tạ Văn Thông (2004). *Ngữ âm tiếng Kôho*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11]. F.de Saussure (2005). *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* (Cao Xuân Hạo dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [12]. Nathaniel CHEESEMAN, Jennifer HERINGTON and Paul SIDWELL (2013). *Bahnaric linguistic bibliography with selected annotations. Mon-Khmer studies: 42. page xxxiv-lxvii.*
- [13]. Paul Sidwell (2000). *Classification of the Bahnaric Languages: a comprehensive review. MKS, V. 32, pp. 1 – 24.*

SYLLABLE IN RƠ-MĂM LANGUAGE

Vo Duc Tam

Department of Literature and Linguistics, Hue University of Sciences

Email: masterductam@gmail.com

ABSTRACT

This article is the synthesis, analysis and systematism of more than 1500 lexical units in Rơ-măm language. Thereby, it is set up the syllabic structure model, described, analysed the format. Rơ-măm language's syllable is classified to 2 kinds: major syllable and subsidiary syllable. The former is different from the latter on structure, position and function.

Keywords: *language, Rơ-măm, syllable.*